

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
cùng với báo cáo của kiểm toán viên*



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2. Báo cáo kiểm toán	3
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 – 16

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

- | | | |
|-------|-------------------|----------------|
| - Ông | VĂN CÔNG PHONG | Giám đốc |
| - Bà | BÙI THỊ KIM HOÀNG | Kế toán trưởng |

2. Hoạt động kinh doanh chính

Công ty TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH là công ty TNHH MTV được thành lập theo giấy phép đăng ký số 3900244205 ngày 03/12/2008 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Tây Ninh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 21/01/2011.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật công trong kiểm tra, đánh giá, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại xe cơ giới đang lưu hành, các loại xe máy chuyên dùng, xe máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp có tham gia giao thông đường bộ. Giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của chủ phương tiện. Tham gia giám định sự cố, tai nạn liên quan đến kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước. Tổ chức hoạt động dịch vụ tư vấn kỹ thuật ngoài công ích theo quy định của Cục đăng kiểm và của pháp luật. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học (theo kế hoạch của Cục đăng kiểm, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao).

Trụ sở của Công ty đặt tại đường Trần Phú, ấp Ninh Trung, xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam.

4. Vốn pháp định

Vốn điều lệ Công ty tăng lên 30 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Số 3900244205 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/01/2011 với nội dung tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 đồng. Trong năm 2011, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng là do kết chuyển từ nguồn vốn xây dựng cơ bản 12.729.411.711 đồng quỹ đầu tư phát triển 1.367.232.137 đồng và quỹ dự phòng tài chính 474.436.115 đồng. Vốn điều lệ còn thiếu 7.068.963.187 đồng sẽ được bổ sung từ Nguồn quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tỉnh.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH kiểm toán KSi Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Công ty.

7. Cam kết của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc cũng nhận thấy rằng đến ngày lập báo cáo này Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tây Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Ban Giám đốc



VĂN CÔNG PHONG
GIÁM ĐỐC

Số: 029.11/2011/AU

TP. HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh
Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam, đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Công ty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 04 đến trang 16.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được chấp nhận tại Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CN Công ty TNHH kiểm toán KSi Việt Nam**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Kiểm toán viên****NGUYỄN VĂN HẬU**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1340/KTV
Do Bộ Tài Chính cấp

LÊ VĂN TRÁNG

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1829/KTV
Do Bộ Tài Chính cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.717.397.160	9.589.665.540
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V.1	2.908.279.893	2.314.098.696
Tiền	111		2.908.279.893	2.314.098.696
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	6.357.854.600
Đầu tư ngắn hạn	121		-	6.357.854.600
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
Các khoản phải thu	130	V.3	223.718.476	39.867.021
Phải thu của khách hàng	131		223.718.476	-
Các khoản phải thu khác	138		-	39.867.021
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140	V.4	1.574.528.309	573.907.593
Hàng tồn kho	141		1.574.528.309	573.907.593
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	1.010.870.482	303.937.630
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.010.870.482	303.937.630
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.817.867.528	14.193.133.920
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.271.662.444	-
Phải thu dài hạn khác	218	V.6	1.271.662.444	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		18.314.814.169	14.124.265.070
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	18.275.294.169	6.529.307.381
- Nguyên giá	222		22.385.876.427	9.416.321.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.110.582.258)	(2.887.014.269)
TSCĐ vô hình	227	V.8	39.520.000	-
- Nguyên giá	228		64.327.273	22.727.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.807.273)	(22.727.273)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	-	7.594.957.689
Tài sản dài hạn khác	260		231.390.915	68.868.850
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	231.390.915	68.868.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.535.264.688	23.782.799.460

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.477.451.229	1.627.537.576
Nợ ngắn hạn	310		2.477.451.229	1.627.537.576
Người mua trả tiền trước	313	V.13	15.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	88.358.014	72.725.392
Phải trả người lao động	315	V.13	1.150.479.726	646.911.627
Chi phí phải trả	316	V.12	77.349.155	74.980.267
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.13	699.864.223	459.809.134
Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	320	V.13	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.13	446.400.112	373.111.156
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.057.813.458	22.155.261.884
Vốn chủ sở hữu	410	V.14	23.057.813.458	22.155.261.884
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		19.018.718.527	5.814.870.701
Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.912.318.286	2.545.086.149
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	1.400.963.250
Quỹ dự phòng tài chính	418		126.776.645	601.930.073
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	11.792.411.711
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.535.264.688	23.782.799.460

Kế toán trưởng

**BÙI THỊ KIM HOÀNG**

Tây Ninh, ngày 20/01/2011

**VĂN CÔNG PHONG**

Mẫu số: B02 - DN

(Đơn vị tính: Đồng)

Circle

Tây Ninh, ngày 20/01/2011

00244205 - Giám đốc



VAN CÔNG PHONG

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

Mẫu số: B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		594.187.147	767.976.994
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.225.647.989	495.540.005
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi VLB</i>	08		1.819.835.136	1.263.516.999
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.162.446.751)	(341.224.651)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.000.620.716)	(573.907.593)
- Tăng, giảm khoản phải trả	11		776.624.697	148.727.312
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(162.522.065)	21.386.637
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(83.182.869)	(167.995.494)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		73.288.956	2.382.672.024
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(14.179.532.667)	(599.981.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(14.918.556.278)	2.133.193.734
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.416.197.088)	(9.975.805.669)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.357.854.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.357.854.600	30.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		941.657.512	(16.303.660.269)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		14.571.079.963	4.407.588.289
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		14.571.079.963	4.407.588.289
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		594.181.197	(9.762.878.246)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.314.098.696	12.076.976.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.908.279.893	2.314.098.696

Kế toán trưởng

[Signature]

BUI THI KIM HOANG



VĂN CÔNG PHONG

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

Bảng thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán cho niên độ từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2011 của CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH. Bảng thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH được thành lập theo giấy phép đăng ký số 3900244205 ngày 03/12/2008 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Tây Ninh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 21/01/2011 với nội dung tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 đồng.

- Hình thức hoạt động: Công ty TNHH một thành viên.
- Trụ sở và nhà xưởng của công ty đặt tại: Đường Trần Phú, ấp Ninh Trung, xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật công trong kiểm tra, đánh giá, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại xe cơ giới đang lưu hành, các loại xe máy chuyên dùng, xe máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp có tham gia giao thông đường bộ. Giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của chủ phương tiện. Tham gia giám định sự cố, tai nạn liên quan đến kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước. Tổ chức hoạt động dịch vụ tư vấn kỹ thuật ngoài công ích theo quy định của Cục đăng kiểm và của pháp luật. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học (theo kế hoạch của Cục đăng kiểm, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao).

- Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh: Không có

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ tài chính năm: Bắt đầu 01/01 và kết thúc 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ trong hạch toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam. Các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền Việt Nam quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tỷ giá hạch toán cuối năm là 20.828 đồng/USD

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan của các cơ quan Nhà nước Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và những quy định được áp dụng phổ biến tại Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Phương pháp kế toán tiền mặt và khoản tương đương tiền**

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán như sau: Tất cả các giao dịch bằng đồng tiền khác đều được quy ra đồng tiền Việt Nam tại thời điểm giao dịch theo tỷ giá bình quân do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2. Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá hàng tồn kho cuối kỳ: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được lập dự phòng: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định hữu hình: Theo nguyên tắc giá gốc

Khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo Quyết định 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

Thời gian hữu dụng của các loại tài sản cố định ước tính chủ yếu như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Năm</u>
Nhà cửa	5% - 12.5%	8 - 20
Máy móc thiết bị	5% - 12.5%	8 - 12
Phương tiện vận chuyển	10%	10
Dụng cụ, thiết bị	20% - 33%	3 - 5

Tài sản cố định vô hình thể hiện bản quyền hệ thống quản lý ISO, phần mềm kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Theo giá thực tế ban đầu

Khấu hao bất động sản đầu tư: Phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo Quyết định 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc và giá trị được lập dự phòng của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được phản ánh theo giá gốc, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc ban đầu thì khoản đầu tư này được lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư nhỏ hơn giá trị gốc thì Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa chi phí đi vay).

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước bao gồm Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất,...có thời hạn sử dụng lớn hơn 01 (một) năm không được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình sẽ được phân bổ vào báo cáo lãi lỗ theo thời gian sử dụng ước tính theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm ,..... Khoản chi phí phải trả được thực hiện theo kế hoạch chi phí phát sinh.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân tặng, biếu sau khi đã trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến tài sản được biếu tặng này.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước qui định hoặc Hội đồng định giá tài sản thống nhất xác định.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái giữa ngày giao dịch và ngày thanh toán của mọi khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Khi giao dịch phát sinh và được thanh toán trong cùng kỳ kế toán, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán trong kỳ đó. Nếu giao dịch được thanh toán ở các kỳ kế toán sau, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính theo sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng kỳ cho đến kỳ giao dịch đó được thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Được ghi nhận khi đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua đồng thời bảo đảm là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu không được ghi nhận khi có những bằng chứng không chắc chắn hàng được chấp nhận hoặc hàng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao và được chấp nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái, và các khoản thu nhập hoạt động tài chính khác được xác định.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Là doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng. Và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2011	31/12/2010
- Phải thu của khách hàng	223.718.476	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	39.867.021
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	223.718.476	39.867.021

Ghi chú: Các khoản phải thu của khách hàng đã được xác nhận tại ngày 31/12/2011 và chi tiết tại phụ lục 1.

4. Hàng tồn kho	31/12/2011	31/12/2010
- Công cụ, dụng cụ	976.575.838	573.907.593
- Hàng hóa	597.952.471	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.574.528.309	573.907.593

Ghi chú: Hàng tồn kho cuối năm tại ngày 31/12/2011 đã được tiến hành kiểm kê.

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước và tài sản lưu động khác	31/12/2011	31/12/2010
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	1.010.870.482	303.937.630
Cộng	1.010.870.482	303.937.630

6. Phải thu dài hạn	31/12/2011	31/12/2010
- Phải thu dài hạn khác	1.271.662.444	-
+ Phải thu dài hạn khác	1.271.662.444	-
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Cộng	1.271.662.444	-

*Ghi chú: Phải thu dài hạn khác là khoản tiền Công ty đã trả hộ tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư Chi nhánh kiểm định thứ 02 theo công văn xác nhận số 1732/STC-CSVG của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh ngày 23/11/2011 đồng và công văn số 380/QĐ-CT của Cục Thuế tỉnh Tây Ninh về việc bù trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào tiền thuế đất.***7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	2.176.359.761	6.711.431.168	349.235.676	179.295.045	-	9.416.321.650
Tăng trong năm	11.516.531.738	1.777.582.740	-	30.000.000	-	13.294.114.478
+ Mua sắm mới	-	1.777.582.740	-	-	-	1.777.582.740
+ Đầu tư XD CB hoàn thành	11.516.531.738	-	-	-	-	11.516.531.738
Giảm trong năm	354.559.701	-	-	-	-	354.559.701
Số dư cuối năm	13.338.331.798	8.489.013.908	349.235.676	209.295.045	-	22.385.876.427
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	998.285.556	1.501.323.507	261.900.000	125.505.206	-	2.887.014.269
Khấu hao trong năm	427.936.620	731.970.369	34.920.000	28.741.000	-	1.223.567.989
Số dư cuối năm	1.426.222.176	2.233.293.876	296.820.000	154.246.206	-	4.110.582.258
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu năm	1.178.074.205	5.210.107.661	87.335.676	53.789.839	-	6.529.307.381
Tại ngày cuối năm	11.912.109.622	6.255.720.032	52.415.676	55.048.839	-	18.275.294.169

Ghi chú: Tài sản cố định tăng trong năm là do xây dựng hoàn chỉnh nhà xưởng sửa chữa ô tô và mua sắm mới máy móc thiết bị (máy tiện Nitunoni, cầu nâng rửa xe, thiết bị chuẩn đoán hệ thống điện - điện tử, máy tiện tam búa, máy bơm hơi...)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành, bản quyền	Nhãn hiệu hàng hóa, giấy phép nhượng quyền	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	-	22.727.273	-	-	-	22.727.273
Tăng trong năm	-	-	-	41.600.000	-	41.600.000
+ Mua mới	-	-	-	41.600.000	-	41.600.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	22.727.273	-	41.600.000	-	64.327.273
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số dư đầu năm	-	22.727.273	-	-	-	22.727.273
Khấu hao trong năm	-	-	-	2.080.000	-	2.080.000
Số dư cuối năm	-	22.727.273	-	2.080.000	-	24.807.273
Giá trị còn lại						-
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	39.520.000	-	39.520.000

Ghi chú: Tài sản cố định vô hình tăng trong năm là phần mềm kế toán (41.600.000 đồng) và hệ thống quản lý ISO. Hệ thống quản lý ISO đã được khấu hao hết trong năm 2010.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Tổng số chi phí XDCB dở dang

31/12/2011

31/12/2010

-

7.594.957.689

Cộng

-

7.594.957.689

10. Tài sản dài hạn khác

a. Chi phí trả trước dài hạn

Trong đó:

- Chi phí trả trước cho máy móc, phụ tùng

- Trả trước công cụ, dụng cụ

- Trả trước chi phí Trảng Bàng

31/12/2011

31/12/2010

231.390.915

68.868.850

31.848.850

231.390.915

8.820.000

-

28.200.000

Cộng

231.390.915

68.868.850

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Thuế thu nhập cá nhân (thu hộ)

31/12/2011

31/12/2010

85.293.274

64.493.392

-

8.232.000

3.064.740

-

Cộng

88.358.014

72.725.392

Ghi chú: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên lợi nhuận thu được. Các loại thuế khác theo Luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

12. Chi phí phải trả	31/12/2011	31/12/2010
- Chi phí khác	77.349.155	74.980.267
<u>Trong đó:</u>		
- Bảo hành hệ thống đường điện		12.350.000
- Quỹ trợ cấp mất việc làm	77.349.155	62.630.267
Cộng	77.349.155	74.980.267
13. Các khoản phải trả nhà cung cấp, phải nộp ngắn hạn khác		
a. Người mua trả tiền trước	31/12/2011	31/12/2010
- Đặng Nguyễn Kiều Trinh trả tiền trước sửa chữa xe	15.000.000	-
Cộng	15.000.000	-
b. Phải trả người lao động	31/12/2011	31/12/2010
- Phải trả người lao động	1.150.479.726	646.911.627
Cộng	1.150.479.726	646.911.627
<u>Ghi chú:</u> Đây là khoản lương còn phải trả cho người lao động.		
c. Phải trả khác	31/12/2011	31/12/2010
- Kinh phí công đoàn	70.257.443	44.230.234
- Bảo hiểm xã hội	6.986.110	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	622.620.670	415.578.900
<u>Trong đó:</u>		
Thu hộ Bảo Việt	10.405.000	6.499.300
Thu hộ PJCO	232.848.200	160.064.400
Thu hộ lệ phí	163.687.500	126.535.500
Thu hộ Viễn Đông	180.224.000	75.590.700
Thu hồi khối lượng thừa Trạm ĐKTrảng Bàng	35.455.970	
Phải trả khác (tiền ăn giữa ca, ăn chỉ...)		46.889.000
Cộng	699.864.223	459.809.134
d. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/12/2011	31/12/2010
- Quỹ khen thưởng	287.085.752	184.292.641
- Quỹ phúc lợi	159.314.361	188.818.516
Cộng	446.400.112	373.111.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	31/12/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.814.870.701	13.203.847.826	-	19.018.718.527
- Vốn khác của chủ sở hữu	2.545.086.149	1.367.232.137	-	3.912.318.286
- Quỹ đầu tư phát triển	1.400.963.250	-	1.400.963.250	-
- Quỹ dự phòng tài chính	601.930.073	-	475.153.428	126.776.645
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	11.792.411.711	937.000.000	12.729.411.711	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-

Ghi chú: Vốn điều lệ Công ty tăng lên 30 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Số 3900244205 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/01/2011. Trong năm 2011, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng là do kết chuyển từ nguồn vốn xây dựng cơ bản 12.729.411.711 đồng quỹ đầu tư phát triển 1.367.232.137 đồng và quỹ dự phòng tài chính 474.436.115 đồng. Vốn điều lệ còn thiếu 7.068.963.187 đồng sẽ được bổ sung từ Nguồn quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của tỉnh đang quản lý.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

31/12/2011 31/12/2010

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

5.814.870.701 1.407.282.412

+ Vốn góp tăng trong năm

13.203.847.826 4.407.588.289

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

19.018.718.527 5.814.870.701

c. Các quỹ của doanh nghiệp:

31/12/2011 31/12/2010

- Quỹ đầu tư phát triển

- 1.400.963.250

- Quỹ dự phòng tài chính

126.776.645 601.930.073

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2011 2010

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

8.363.113.063 4.033.465.418

Cộng8.363.113.063 4.033.465.418

16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

2011 2010

- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ

8.363.113.063 4.033.465.418

Cộng8.363.113.063 4.033.465.418

17. Giá vốn hàng bán

2011 2010

- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

1.263.819.459

Cộng1.263.819.459

18. Doanh thu hoạt động tài chính

2011 2010

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

319.760.777

642.867.048

Cộng319.760.777642.867.048

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

2011 2010

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

103.982.751

189.414.249

Cộng103.982.751189.414.249

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH (tiếp theo)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09 - DN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Đơn vị tính: Đồng)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu đầu năm

Số liệu đầu năm được kiểm toán bởi Công ty Kế toán Kiểm Toán & Tư vấn Sài Minh. Các chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

3. Một số chỉ tiêu khái quát tình hình hoạt động

Chỉ tiêu		Đơn vị tính	2011	2010
I. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
a.	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	22%	40%
b.	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	78%	60%
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
a.	Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn	%	10%	7%
b.	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	90%	93%
II. Khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán nợ phải trả	Lần	10,31	14,61
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,31	5,89
3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,26	5,35
III. Tỷ suất lợi nhuận				
1	Tỷ suất lợi nhuận trên thu nhập			
a.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên thu nhập	%	7%	16%
b.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên thu nhập	%	6%	12%
2	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản			
a.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2%	3%
b.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2%	2%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2%	3%

IX. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được phê duyệt bởi ban giám đốc công ty và ủy quyền cho phát hành vào ngày 20 tháng 1 năm 2011





BÙI THỊ KIM HOÀNG

Kế toán trưởng

Tây Ninh, ngày 20/01/2011

VĂN CÔNG PHONG

Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20/01/2011

CÔNG TY TNHH MTV ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI TÂY NINH

Phu Lục 1: Chi Tiết Công Nợ Phải Thu

Tại ngày 31/12/2011

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Tên Khách Hàng	Dư Nợ	Dư Có	Ghi Chú
1	Công ty Viễn Đông	55.000.000		Đã xác nhận
2	Công ty bảo hiểm PVI Bình Dương	10.440.000		Đã xác nhận
3	Công ty Ngân Long	80.608.000		Đã xác nhận
4	CN Bảo hiểm AAA Tây Ninh	2.365.000		Đã xác nhận
5	Trạm đăng kiểm - CN Trảng Bàng	63.870.476		
6	CTY CP Bảo Hiểm Nhà Rộng	11.435.000		
7	Đặng Nguyễn Kiều Trinh trả tiền trước sửa chữa xe		15.000.000	
Tổng Cộng:		223.718.476	15.000.000	

KHÔNG TỰ KHAI THI XÃ TÂY NINH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số 158 Q.Số 01 TP/CT.SCT/SGT
Ngày 10 Tháng 02 Năm 2014
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Lệ

ANH * HUY